

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/03/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Kim Xuyên;

2. Ông Huỳnh Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 953/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà 356, tổ 14, ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: tổ 12, ấp LK 3, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- Bị đơn: Ông Tô Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 356, tổ 14, ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày, giữa bà Ng và ông H chung sống với nhau vào năm 2002, hôn nhân do mai mối và được hai bên gia đình chấp nhận, vợ chồng có

đăng ký kết hôn, bà Ng, ông H sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu, bia, đánh đập bà, tính tình gia trưởng, khó khăn trong cách sống, không phụ giúp tiền để bà nuôi con, trang trải cuộc sống mà thường xuyên cờ bạc, đá gà. Bà đã khuyên nhiều lần nhưng không được. Nhận thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Quá trình chung sống, giữa bà Ng và ông H có 03 con chung tên Tô Thị Phương Th, sinh ngày 17/10/2003; Tô Văn KK, sinh ngày 13/7/2006; Tô Thị Phương H, sinh ngày 20/9/2013 hiện 03 con chung đang sống chung với bà Ng, sau ly hôn bà Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định cho ông H, nhưng ông H vắng mặt, nên không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa,

- Bà Lê Thị Ng trình bày ý kiến: bà đề nghị ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, giữa bà và ông H có thời gian mâu thuẫn đã lâu, nay không thể hàn gắn, về các vấn đề khác bà giữ yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà Ng không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà Lê Thị Ng và ông Tô Văn H chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, từ khi bà Ng gửi đơn khởi kiện, ông H không có ý kiến phản hồi, đến nay bà Ng khẳng định không còn tình cảm với ông H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng đối với ông H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Ng, giao cháu Tô Thị Phương Th, sinh ngày 17/10/2003; Tô Văn KK, sinh ngày 13/7/2006; Tô Thị

Phương H, sinh ngày 20/9/2013 cho bà Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Ng không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tô Văn H. Đồng thời, ông H cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Tô Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa bà Ng và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (nay là Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014), nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ng, ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Ng xác định, quá trình chung sống từ tháng 05/2020 bà và ông H đã tự sống ly thân, trước đó giữa bà và ông H thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cả hai không có tiếng nói chung, nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu, bia, đánh bà cũng như không cùng bà chăm lo cho gia đình, ông H còn nhiều lần đánh bạc, đá gà, mặc dù bà đã nhiều lần cho ông H cơ hội đề hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông H không có sự thay đổi, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm, giữa bà Ng và ông H không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, có thời gian mâu thuẫn kéo dài, từ tháng 05/2020 đến nay ông bà đã không còn chung sống; bà Ng và ông H cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm, nhưng không thể hòa hợp, cuộc sống hôn nhân có những mâu thuẫn trầm trọng. Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu ly hôn của bà Ng. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Ng và ông H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Ng yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng.

[2.2] Về con chung: Bà Ng xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có 03 con chung tên Tô Thị Phương Th, sinh ngày 17/10/2003; Tô Văn KK, sinh ngày 13/7/2006; Tô Thị Phương H, sinh ngày 20/9/2013, bà Ng yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Th, cháu KK, cháu H hiện nay đang được bà Ng chăm sóc, nuôi dưỡng, ông H đến nay không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con chung, 03 cháu sống với bà Ng ổn định, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các cháu đã gửi bản tự khai và có nguyện vọng sống với bà Ng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Th, cháu KK và cháu H cho bà Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Ng không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Lê Thị Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Tô Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 217, 227, 228, 235, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ng;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ng được ly hôn với ông Tô Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2005, quyển số 01 ngày 07/4/2005 do Ủy ban nhân dân xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Lê Thị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tô Thị Phương Th, sinh ngày 17/10/2003; Tô Văn KK, sinh ngày 13/7/2006; Tô Thị Phương H, sinh ngày 20/9/2013. Ông Tô Văn H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lê Thị Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Tô Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/ 0009036 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 30 tháng 11 năm 2020; bà Lê Thị Ng đã nộp đủ án phí.

Ông Tô Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Ng có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Tô Văn H là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên